

Đề bài

Phân tích hình tượng

# Người lái đò sông Đà

của Nguyễn Tuân để  
thấy tài năng của tác giả  
trong việc sử dụng ngôn ngữ  
văn chương tiếng Việt.

## Bài làm

Cái nhan đề *Người lái đò sông Đà* ủa vào tôi một liên tưởng kếp: Nguyễn Tuân muốn xung tưng ông lái đò tài hoa trí dũng trên dòng sông thiên nhiên bạo liệt, còn ngôn ngữ của Nguyễn Tuân lại hòa nhau xung tưng tác giả của nó như một ông lái bậc thầy của con thuyền chữ nghĩa trên một dải văn không kém thác ghềnh. Bài ca lao động và bài ca ngôn từ song hành trong một áng văn kì lạ. Chính Nguyễn Tuân đã hạ bút ngay từ khúc dạo đầu: *Chúng thủy giai đông tẩu, Đà giang độc bắc lưu* (Mọi sông đều thoát về đông, duy Đà giang ngược về bắc). Câu đề từ của Nguyễn vừa tóm lấy cái thần của sông Đà, vừa tóm luôn thần chữ mình. Một mặt *bắc lưu* là sự cưỡng lại *đông tẩu*, cái riêng độc đáo là ở sự cưỡng lại sức xói mòn của cái chung nhàm cũ. Mặt khác, *bắc lưu* chỉ tồn tại trước *đông tẩu*, cái riêng độc đáo chỉ tồn tại trước cái chung, khi nó đồng nghĩa với cái cao hơn sự khác lạ là cái sáng tạo, tức là cái độc đáo phải trở thành cái riêng mang giá trị. Phi giá trị, cái riêng hóa trò chơi duy mỹ. Đó là nguyên tắc của phép lạ hóa văn chương, đề vừa chối bỏ sự nhàm lạp của cái chung, vừa hội nhập với cái chung mang giá trị văn chương bền vững. Còn nguyên tắc riêng của phép lạ ngôn ngữ của Nguyễn Tuân? Trong kho từ vựng tiếng Việt, ngôn ngữ mang bản tính nguyên thủy của một chất liệu tĩnh, lạnh, khá ổn định. Tài năng nghệ sĩ là biết vung cây gậy thần biến nó thành chất liệu động và nóng, phập phồng sự sống. Nội trội trong các tài năng, văn Nguyễn Tuân là thứ ngôn ngữ nóng rẫy sự sống. *Cái độc đáo vô song, điểm nổi bật bao trùm xuyên suốt các tác phẩm của Nguyễn Tuân, xét ở bình diện ngôn ngữ, là lấy sự thay đổi liên tục làm nét ổn định, luôn luôn mới lạ chính là điều thống nhất ở mỗi dòng, mỗi trang ông viết.* Có thể coi ký sông Đà này là một cuộc thí nghiệm tâm đắc của ngôn ngữ nóng Nguyễn Tuân.

Ngôn ngữ Nguyễn Tuân là khối vuông ru-bích ba chiều. Cạnh đáy là hình, chiều cao là âm, bề sâu là hồn. Ba chiều ấy biến hóa trong trò chơi ru-bích tài hoa khó so sánh. Cố nhập hồn vào bài ký sông Đà, tôi cầu một cơ may cảm thụ vài ba phép lạ của tài tử ngôn từ họ Nguyễn.

Sức nóng ngôn ngữ Nguyễn Tuân có thể phát ra mọi ngả hướng. Thoạt tiên là cơn khát động từ. Trong dăm trang ký, Nguyễn Tuân vốc tới ngót ba trăm động từ để đủ sức cạnh tranh với cuồng độ của Đà giang và trí lực ông lái phi thường. Tần số động từ đậm đặc nhất ở trường đoạn hỗn chiến giữa người và sông nước, khiến người đọc nghẹt thở. Con cuồng phong động từ xô lên cơn thịnh nộ sông Đà: rống lên, nhồm cả dậy, vồ lấy, đánh khuỷp, reo hò, thúc, đội, túm, lật ngửa, bóp chặt... Phía ông lái, động từ cũng hợp sức tạo nên thế cưỡi hổ tung hoành: nắm chặt, ghi cương, bám chặt, phóng nhanh, lái miết, đề sấn, chặt đôi, phóng thẳng, chọc thủng... Chợt nhớ ai đó nhắc một thờ khúc đại giang Bạch Đằng từng khoe hết hiểm trở dưới bút Trương Hán Siêu, Nguyễn Trãi. Nhưng đó là hiểm trở tĩnh tại, khát khúc đại giang Nguyễn Tuân đầy náo động, đủ đua sánh với đoạn tả cơn thịnh nộ đại

ương với chàng Ulysse trong ca khúc thứ 12 của trường ca *Odyssee* bắt từ. Song nghệ sĩ ngôn từ tiếng Việt vẫn có ngón chơi động từ rất riêng. Ông đun nấu, pha chế trong cái nồi hóa chất từ loại, gây phản ứng hóa học để tạo ra chất lạ: động từ hóa danh – tính, tạo ra sự thăng hoa từ loại, khiến văn Nguyễn Tuân kề cận với thơ ca. Tính từ *xanh ve* chẳng hạn, được kết hợp với hai bộ tổ *càng* (trước), *mãi lên* đã chuyển hóa thành động từ lạ tai cho ta một nhả thú thưởng ngoạn *Sông Đà ngày một xanh ve mãi lên*.

Như vậy, một trong những bí mật của nhà luyện đan ngôn từ Nguyễn Tuân là tạo ra tính chất kép, thay thế cho sự đơn tính của ngôn ngữ nguyên thủy để gây bất ngờ trong dây chuyền liên tưởng. Ngay cái phép tu từ cũng vậy. Dưới tay ông những so sánh ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa... không chênh vênh nổi niềm cô lẻ trong những mảng tu từ đơn rời rạc, biệt lập. Chính tính chất kép làm tu từ Nguyễn Tuân mang năng lực sinh nở, trùng trùng liên tưởng. Tả cái thác nước, Nguyễn Tuân viết: *thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu, rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cũng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng*. Để dò hết năng lượng thẩm mỹ của câu văn, liên tưởng của người đọc phải nối nhau trong cơ chế ba chặng: tiếng thác (rống) – tiếng trâu mộng (lồng lộn) – tiếng rừng lửa (gầm thét). Liên tưởng rất lạ: từ *thác* đến *trâu mộng* là quá trình động vật hóa bất ngờ, từ *thác* đến *lửa* còn cao cường hơn: liên tưởng lai ghép hai sự vật ngược tính mà vẫn đạt logic của sự nhất thể hóa ngữ nghĩa. Dễ dàng nhận ra cấu trúc ngôn từ Nguyễn Tuân mang cái lối so sánh. Bài ký chật ních so sánh. Trong công thức  $A = B$  của so sánh, cái độc lạ của Nguyễn Tuân tỏa sắc chủ yếu ở vế B. Ông đốt nóng B bằng nhiều cách. Ông chêm động từ vào B để mang đến cho nó một năng lượng sống: *Đàn cá đằm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như cá bạc rơi thoi*. Động từ *rơi* làm vế B tựa quẫy chuyển động, sinh sắc hẳn lên. Cũng nạp động từ vào B, nhưng hai chữ *hắt hàm* sau đây còn mang một kép hợp phong phú hơn: *Một hòn (đá) ấy trông nghiêng thì y như là đang hắt hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến*. Động từ đã gánh thêm chức năng nhân hóa trong kết hợp so sánh – nhân hóa. Chuỗi tu từ kép này khiến động từ *hắt hàm* truyền hồn vào đá vô tri, dọi một cái nhìn điêu khắc bất ngờ vào thói du côn của thiên nhiên man dại. Nguyễn Tuân còn bắt so sánh để ra so sánh, tạo ra một so sánh phức  $A = B1 = B2 = B3... = Bn$  nhằm khai thác hết tiềm năng thẩm mỹ chứa trong A. Tả sắc nước sông Đà, Nguyễn tìm ra biểu tượng so sánh chồng nhau, sắc nước – sắc mặt người say rượu – sắc mặt kẻ uất bực: *Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ như giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về*. Phi Nguyễn Tuân, khó ai nhìn ra một sắc nước như thế. Đó là xét so sánh ở vĩ mô văn bản: câu văn. Nâng cấp vĩ mô toàn bản, hình tượng lớn sông Đà như khoe hết vẻ biến hóa trong tổ hợp so sánh đồ sộ dị thường. Sông Đà như loài thủy quái với những nanh vuốt nơi mặt ghềnh, hút nước và thạch trận dữ hiem, được Nguyễn Tuân ví như *kẻ thù số 1* của con người. Song những so

sánh đăm mê nhất của Nguyễn Tuân là dành cho một Đà giang trữ tình – *cái dây thừng ngoằn ngoèo* dưới chân người ngồi trên tàu bay nhìn xuống, *cái áng tóc trữ tình* giữa đất trời Tây Bắc, *như một cố nhân* trong nỗi niềm du khách, *như cái miếng sáng lóe lên* trong tròn chiếu gương trẻ con, rồi *như một bờ tiền sử*, *như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa*... Những so sánh biến hóa không trùng lặp, luôn gây men say bằng những đột ngột, người đọc sững sốt vì những so sánh lạ lẫm, gây đứt quãng liên tưởng, để rồi thán phục nhận ra không thể so sánh hay hơn, đúng hơn, và cứ thế bị thôi miên vào mê hồn trận của những so sánh ăm ắp tràn bờ...

Nhiều người đã nói đến âm hưởng văn Nguyễn Tuân trong những câu chữ co duỗi thoải mái, trong những phép bằng trắc điệu nghệ. Nhiều người đã nói tới ngôn ngữ của Nguyễn Tuân như một sự tổng hòa văn hóa. Nàng văn Nguyễn Tuân thật quảng giao đón du khách bốn phương trời kiến thức: lịch sử, địa lý, quân sự, võ thuật, điện ảnh, hội họa, điêu khắc, âm nhạc... Kiến thức liên ngành tạo bề dày uyên bác, nâng cho đôi cánh tài hoa bay bổng.

Tôi luận bàn về phép chữ Nguyễn Tuân trong mặc cảm: càng nói càng thiếu. Nguyễn Tuân gây sự lúng túng ngay cho kẻ trích văn ông, vì Nguyễn Tuân lao động văn trong từng âm tiết, từng dấu câu, biết chọn thể nào. Nguyễn Tuân là gương sáng của khổ luyện ngôn từ – một kiểu khổ luyện rất Đông phương mà đặc trưng là câu chuyện *thôi xao* lừng danh dưới vòm mái triều Đường thưở nọ. Song luận gì về Nguyễn Tuân cũng chớ quên văn ông không chỉ là tòa lâu đài chữ nghĩa mà còn là bề thẳm tâm hồn. Xin chiêm ngưỡng tấm lòng thơ của Nguyễn Tuân ẩn trong câu văn thể hiện nỗi niềm này: *nói chuyện với người lái đò, như càng lai láng cái lòng muốn đẽ thơ vào sông nước*.

Câu văn ấy đã đóng đinh vào tôi một cảm thức Nguyễn Tuân.

Nguyễn Quang Trung